

V X, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Số: 05/2022/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa: Anh Phạm Minh D, sinh năm 1981; Số CMND: 073080500, cấp ngày 24/02/2017, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Thôn Thượng A, xã Đồng Y, huyện B, tỉnh H và chị Nguyễn Phương Ng, sinh năm 1982; Số CMND: 073185870, cấp ngày 27/7/2005, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Minh D, sinh năm 1981; Số CMND: 073080500, cấp ngày 24/02/2017, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Thôn Thượng A, xã Đồng Y, huyện B, tỉnh H và chị Nguyễn Phương Ng, sinh năm 1982; Số CMND: 073185870, cấp ngày 27/7/2005, nơi cấp: Công an tỉnh H; Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Minh D và chị Nguyễn Phương Ng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh D và chị Ng có ba con là cháu Phạm Minh Thanh M, sinh ngày 20/8/2007 và cháu Phạm Minh Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2014; cháu Phạm Minh Nh, sinh ngày 27/6/2019.

Anh Phạm Minh D và chị Nguyễn Phương Ng thỏa thuận nhất trí giao cháu Phạm Minh Thanh M, sinh ngày 20/8/2007 và cháu Phạm Minh Bảo Ch, sinh ngày 08/02/2014; cháu Phạm Minh Nh, sinh ngày 27/6/2019 cho chị Nguyễn Phương Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu M, cháu Ch và cháu Nh trưởng thành đủ 18 tuổi, kể từ ngày 21/01-2022 và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh Phạm Minh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Ch và cháu Nh với số tiền là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/một cháu/tháng (tổng cộng số tiền cấp dưỡng nuôi hai cháu là 6.000.000 đồng/tháng), kể từ ngày 21/01/2022 cho đến khi cháu Ch và cháu Nh trưởng thành đủ 18 tuổi.

Chị Nguyễn Phương Ng, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ 10, thị trấn Nông Trường V, huyện V, tỉnh H là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản, công nợ chung: Anh Phạm Minh D và chị Nguyễn Phương Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Minh D và chị Nguyễn Phương Ng thỏa thuận nhất trí để anh Phạm Minh D chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0002204 nộp ngày 20-01-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H. Anh D đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh H
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Xuân